

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

Số: 62 /2004/QĐ - UB

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Lạng Sơn, ngày 27 tháng 12 năm 2004

QUYẾT ĐỊNH CỦA UBND TỈNH LẠNG SƠN

**Về sửa đổi, bãi bỏ và bổ sung một số định mức phân bổ
Dự toán chi ngân sách địa phương**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 21 tháng 6 năm 1994.

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 01/2002/QH11 ngày 16 tháng 12 năm 2002; Nghị định số 06/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật ngân sách nhà nước.

Căn cứ Quyết định số 139/2003/QĐ - TTg ngày 11/7/2003 của Thủ tướng Chính phủ, về việc ban hành định mức phân bổ dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2004.

Thực hiện Nghị quyết số 29 /2004/NQ-HĐND K XIV ngày 16 tháng 12 năm 2004 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Lạng Sơn Khoá XIV, kỳ họp thứ 3.

QUYẾT ĐỊNH

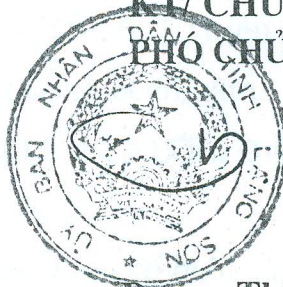
Điều 1. Sửa đổi, bãi bỏ và bổ sung một số định mức phân bổ dự toán chi ngân sách địa phương như phụ lục kèm theo.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký; Giao cho Sở Tài chính hướng dẫn và kiểm tra các đơn vị thực hiện quy định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài Chính; Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

T/M. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

**KT/ CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Dương Thời Giang

Nơi nhận:

- Như điều 3(t/h)
- TT Tỉnh ủy
- CT, PCT HĐND tỉnh
- CT, PCT UBND tỉnh
- Ban KTNS HĐND tỉnh
- CPVP, các tổ chuyên viên
- Lưu VT

Phụ lục
**VỀ SỬA ĐỔI, BÃI BỎ VÀ BỔ SUNG MỘT SỐ ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**

(Kèm theo QĐ số ~~62~~ 27/2004/QĐ - UB ngày 27 tháng 12 năm 2004 của UBND tỉnh Lạng Sơn)

**A- SỬA ĐỔI MỘT SỐ ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH
ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2004 TRONG QUYẾT ĐỊNH SỐ 36/2003/QĐ-UB NGÀY
25/12/2003 CỦA UBND TỈNH LẠNG SƠN.**

I- SỰ NGHIỆP ĐÀO TẠO TRUNG HỌC Y TẾ.

- + Định mức theo QĐ số 36/2003/QĐ-UB: 3,6 triệu đồng/học sinh/năm.
- + Định mức mới: 4,0 triệu đồng/học sinh/năm.

II- SỰ NGHIỆP Y TẾ.

1. Tuyển tỉnh.

- Bệnh viện đa khoa trung tâm.

- + Định mức theo QĐ số 36/2003/QĐ-UB: 21 triệu đồng/giường bệnh/năm.
- + Định mức mới: 22 triệu đồng/giường bệnh/năm.

- Bệnh viện Y học cổ truyền, bệnh viện Lao.

- + Định mức theo QĐ số 36/2003/QĐ-UB : 19 triệu đồng/giường bệnh/năm.
- + Định mức mới: 20 triệu đồng/giường bệnh/năm.

2 . Tuyển huyện:

2.1. Bệnh viện huyện.

* Huyện vùng cao:

- + Định mức theo QĐ số 36/2003/QĐ-UB: 18 triệu đồng/giường bệnh/năm.
- + Định mức mới: 19 triệu đồng/giường bệnh/năm.

* Huyện vùng thấp:

- + Định mức theo QĐ số 36/2003/QĐ-UB : 17 triệu đồng/giường bệnh/năm.
- + Định mức mới: 18 triệu đồng/giường bệnh/năm.

2.2. Phòng khám đa khoa khu vực.

- + Định mức theo QĐ số 36/2003/QĐ-UB: 10 triệu đồng/giường bệnh/năm.
- + Định mức mới: 12 triệu đồng/giường bệnh/năm.

III. CHI QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ.

1. Cấp tỉnh.

Đối với các cơ quan quản lý hành chính có biên chế giao < 15 người.

- + Định mức theo QĐ số 36/2003/QĐ-UB: 24 triệu đồng/biên chế/năm.

+ Định mức mới : 27 triệu đồng/biên chế/năm.

2. Cấp huyện.

2.1. Văn phòng huyện uỷ, Văn phòng HĐND và UBND.

* Huyện vùng cao.

+ Định mức theo QĐ số 36/2003/QĐ-UB: 29 triệu đồng/biên chế/năm.

+ Định mức mới: 31 triệu đồng/biên chế/năm.

* Huyện vùng thấp.

+ Định mức theo QĐ số 36/2003/QĐ-UB : 28,5 triệu đồng/biên chế/năm.

+ Định mức mới : 30,5 triệu đồng/biên chế/năm.

2.2. Các tổ chức chính trị xã hội; các cơ quan quản lý nhà nước.

* Huyện vùng cao.

+ Định mức theo QĐ số 36/2003/QĐ-UB: 21,5 triệu đồng/biên chế/năm.

+ Định mức mới : 22,5 triệu đồng/biên chế/năm.

* Huyện vùng thấp.

+ Định mức theo QĐ số 36/2003/QĐ-UB: 21 triệu đồng/biên chế/năm.

+ Định mức mới: 22 triệu đồng/biên chế/năm.

3. Cấp xã.

Đảm bảo kinh phí như dự toán giao năm 2004, và bổ sung thêm kinh phí thực hiện quyết định số 84/QĐ-TW ngày 01/10/2003 của Ban bí thư Trung ương Đảng về chế độ chi hoạt động công tác Đảng các cấp; kinh phí thực hiện chế độ đối với cán bộ không chuyên trách cấp xã và cán bộ không chuyên trách ở thôn, khối phố theo quyết định số 45/2004/QĐ-UB ngày 13/8/2004 của UBND tỉnh; kinh phí thực hiện Nghị định 121/2003/NĐ-CP ngày 21/10/2003 về chế độ chính sách đối với cán bộ công chức cấp xã, phường thị trấn; phụ cấp cho số đại biểu HĐND xã tăng thêm so với khoá trước; kinh phí thực hiện quyết định số 541/QĐ-UB ngày 01/4/2004 của UBND tỉnh về việc thí điểm uỷ nhiệm thu cho UBND xã, phường, thị trấn theo tỷ lệ ngân sách xã chi: 6% đối với phường, thị trấn, 13% đối với xã trên tổng số uỷ nhiệm thu thu được.

IV. ĐỊNH MỨC PHÂN BỔ CHI ĐẢM BẢO XÃ HỘI .

Chi cho bộ máy trung tâm Bảo trợ xã hội, trung tâm Dịch vụ việc làm, trung tâm giáo dục lao động xã hội.

+ Định mức theo QĐ số 36/2003/QĐ-UB : 21 triệu đồng/biên chế/năm.

+ Định mức mới: 22 triệu đồng/biên chế/năm.

V. ĐỊNH MỨC CHI SỰ NGHIỆP KINH TẾ, SỰ NGHIỆP KHOA HỌC-CÔNG NGHỆ.

1. Định mức chi cho hoạt động thường xuyên đối với các đơn vị có biên chế giao < 10 người.

+ Định mức theo QĐ số 36/2003/QĐ-UB : 22 triệu đồng/biên chế/năm.

+ Định mức mới: 25 triệu đồng/biên chế/năm.

2. Chi sự nghiệp giao thông.

2.1. Chi sửa chữa thường xuyên đường huyện quản lý:

+ Định mức theo QĐ số 36/2003/QĐ-UB : 4 triệu đồng/km/năm.

+ Định mức mới: 5 triệu đồng/km/năm.

2.2. Chi sự nghiệp kiến thiết thị chính (đối với 10 huyện).

+ Định mức theo QĐ số 36/2003/QĐ-UB : 200 triệu đồng/huyện/năm.

+ Định mức mới: 300 triệu đồng/huyện/năm.

B- BÃI BỎ MỘT SỐ ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG.

I/ SỰ NGHIỆP ĐÀO TẠO.

1. Đào tạo khác (Đại học) gồm:

1.1. Cử tuyển (*Tạo nguồn của tỉnh, đã quy định 2,3 triệu đồng/ học sinh/ năm*)

1.2. Tạo nguồn (*đã quy định 2,4 triệu đồng/ học sinh/ năm*).

1.3. Chuyên tu (*đã quy định 2,5 triệu đồng/ học sinh/ năm*).

2. Đào tạo cao đẳng, đại học tại chức.

Được bãi bỏ để đảm bảo công bằng trong học tập, xã hội hoá giáo dục và đào tạo, đào tạo cao đẳng, đại học theo hình thức ký hợp đồng đào tạo với các trường đại học, đại học mở ngoài tỉnh: học viên tự đóng góp học phí theo mức qui định của các trường đại học được phép thu học phí theo khung hướng dẫn tại thông tư số 46/2001/TTLT/BTC-BGD&ĐT ngày 20/6/2001 của liên tịch Bộ Tài chính- Bộ Giáo dục và Đào tạo .

II/ SỰ NGHIỆP VĂN HOÁ.

Phụ cấp cho cán bộ văn hoá xã đã được quy định 80.000 đồng/người/tháng; nay được bãi bỏ do chức danh này không được bố trí trong quyết định số 45/2004/QĐ-UB ngày 13/8/2004 của UBND tỉnh.

Mức phân bổ là 39 triệu đồng/biên chế/năm .

C. BỔ SUNG MỘT SỐ ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG ĐỐI VỚI VĂN PHÒNG HĐND VÀ ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI.

Ngoài định mức đã được sửa đổi, bãi bỏ và bổ sung trên, các định mức còn lại vẫn được thực hiện theo Nghị quyết số 48/NQ – HĐND KXIII ngày 22/12/2003 của HĐND tỉnh Lạng Sơn khoá 13, kỳ họp thứ 10 và Quyết định số 36/2003/QĐ-UB ngày 25/12/2003 của UBND tỉnh Lạng Sơn./.